

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN DƯƠNG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 26 tháng 4 năm 2023

*V/v: Ly hôn giữa chị Vũ Thị T  
và anh Phương Văn N*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bàn Văn Thế.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng*

*Ông Nguyễn Văn Quang.*

*- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.*

Ngày 26/4/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 416/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/4/2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị T, sinh năm 1983. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn K, xã H, huyện S, T. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh Phương Văn N, sinh năm 1977. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn C, xã T, huyện S, T. Vắng mặt (Đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:*

*- Về quan hệ hôn nhân: Chị (Vũ Thị T) và anh Phương Văn N, sinh năm 1977, trú tại thôn C, xã T, huyện S, T kết hôn ngày 23/9/2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh T. Vợ chồng anh chị lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương.*

*Sau khi kết hôn, anh chị về nhà chồng tại thôn C, xã T, huyện Sơn Dương sinh sống được thời gian ngắn, đến tháng 11/2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị thường xuyên rượu chè, không làm chủ được bản thân, cũng từ đó chị đã bỏ về nhà bố mẹ để ở xã H để sinh sống, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục*

đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chi ly hôn anh Phương Văn N.

- Về con chung; tài sản và vay nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định, anh N không phải nộp án phí.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Phương Văn N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh (Phương Văn N) và chị Vũ Thị T, sinh năm 1983, trú tại thôn Khuân Rèm, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tự nguyện kết hôn ngày 23/9/2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng anh chị lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại nhà anh ở thôn C, xã T, huyện Sơn Dương được khoảng 08 (tám) tháng, đến đầu năm 2016 chị T bỏ về nhà ngoại tại thôn Khuân Rèm, xã Hợp Thành sinh sống. Cũng từ đó vợ chồng anh chị sống ly thân với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nguyên nhân vợ chồng ly thân là do không hợp nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung, tài sản và vay nợ không: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do sức khỏe của anh không đảm bảo, đi lại khó khăn nên anh không đến Tòa để giải quyết ly hôn được. Anh đề nghị các cấp Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt anh cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Vũ Thị T và anh Phương Văn N ly hôn; chị Vũ Thị T phải chịu án phí theo quy định, anh Phương Văn N không phải nộp án phí; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Phương Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống với gia đình anh N được một thời gian ngắn, sau đó vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Khuân Rèm, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương, tỉnh

Tuyên Quang để sinh sống. Từ đầu năm 2016 đến nay anh chị sống ly thân và cả hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị Vũ Thị T và anh Phương Văn N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Vũ Thị T và anh Phương Văn N ly hôn.

[2] Về con chung, tài sản và vay nợ chung: Chị T, anh N đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí theo quy định; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

#### ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T ly hôn anh Phương Văn N.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0002340, ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Phương Văn N không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Văn Vượng**

**Nguyễn Văn Quang**

**Bàn Văn Thế**

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bàn Văn Thế**